

Bản án số: 04/2026/KDTM-PT

Ngày: 29/4/2026

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Kim Trường

+ *Các Thẩm phán:* Bà Trần Thanh Hải

Ông Đinh Trường Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3) xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số: 25/2025/TLPT – KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2025 về việc kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 01 năm 2026 và các quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C1 (V1).

Địa chỉ: số A đường T, phường H, TP Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B – Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy quyền: ông Lương Việt C – cán bộ Ngân hàng TMCP C1 Chi nhánh H3 (theo văn bản ủy quyền số 652/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT3 ngày 25/6/2024 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP C1 và văn bản ủy quyền lại số 584/UQ-CNHB-TCTH ngày 10/9/2025 của Giám đốc Ngân hàng TMCP C1 chi nhánh H3).

2. Bị đơn: ông Nguyễn Như Q, sinh năm 1981. Nơi cư trú: thôn T, xã N, TP Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Tạ Thị Lệ H, sinh năm 1984. Nơi cư trú: thôn T, xã N, TP Hà Nội.

- Ông Tạ Tiến V, sinh năm 1961; bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1962; ông Tạ Tiến H1, sinh năm 1986; bà Tạ Thị H2, sinh năm 1988. Cùng trú tại: thôn H, xã N, TP Hà Nội.

Ông C có mặt; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Như Q. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm nội dung vụ án thể hiện như sau:

Trong đơn khởi kiện và tại lời khai trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/11/2023, Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh H3 (gọi tắt là Ngân hàng V1) có cho hộ kinh doanh cá thể Nguyễn Như Q do ông Q làm chủ hộ kinh doanh vay khoản tín dụng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 869008944671/2023-HĐCVHM/NHCT250-NGUYENNHUQUYEN. Mục đích: bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, gia công, sản xuất máy móc thiết bị. Hạn mức cho vay là 9,5 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 30/11/2023 đến hết 30/11/2024. Thời hạn cho vay là 06 tháng với lãi suất khoảng 7,5%/năm theo từng giấy nhận nợ.

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q nhiều lần theo đúng các giấy nhận nợ. Đến ngày 25/7/2024 thì phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 29/9/2025, ông Q còn nợ Ngân hàng V1 tiền gốc là 9.499.615.025 đồng; tiền lãi là 1.418.084.811 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Q và các thành viên trong gia đình ông Q có thể chấp các tài sản cho Ngân hàng gồm:

- Quyền sử dụng thửa thửa đất diện tích 392m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số X 476247 do UBND huyện S, TP Hà Nội cấp ngày 16/4/2004, chủ sử dụng đất là hộ ông Tạ Tiến V. Địa chỉ thửa đất: thửa đất số 79-80, tờ bản đồ số 30 thuộc khu C, xã H, huyện S, TP Hà Nội (nay là xã N, TP Hà Nội).

- QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất diện tích 245m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là QSDĐ) số DM 240199 do Văn phòng Đ, chi nhánh huyện S cấp ngày 13/10/2023, chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Như Q và bà Tạ Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: thửa số 18, tờ bản đồ số 23 thuộc thôn T, xã Đ, huyện S, TP Hà Nội (nay là xã Đ, TP Hà Nội).

Toàn bộ thủ tục ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm được thực hiện theo đúng pháp luật, có đầy đủ hợp đồng, thủ tục thẩm định, định giá kèm theo.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 25/7/2024 bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, làm việc, phối hợp cùng ông Q tìm kiếm phương án trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được. Do đó, Ngân hàng khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc ông Nguyễn Như Q là chủ hộ kinh doanh Nguyễn Như Q phải trả cho Ngân hàng toàn bộ tiền nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng số 869008944671/2023-HĐCVHM/NHCT250-NGUYENNHUQUYEN ký ngày 31/11/2023 theo mức lãi suất đã thỏa thuận cho đến khi thi hành án xong.

- Trường hợp ông Nguyễn Như Q không thực hiện đầy đủ, đúng nghĩa vụ trả nợ thì V1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý phát mại toàn bộ tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm phát mãi không đủ nghĩa vụ để trả nợ thì ông Nguyễn Như Q vẫn phải tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Như Q trình bày:

Ngày 30/11/2023, ông đại diện hộ kinh doanh ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh H3 để vay số tiền 9,5 tỷ đồng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 869008944671/2023-HĐCVHM/NHCT250-NGUYENNHUQUYEN. Mục đích: bổ sung vốn kinh doanh vật liệu xây dựng, gia công, sản xuất máy móc thiết bị. Thời hạn cho vay là 06 tháng với lãi suất khoảng 7,5%/năm theo từng giấy nhận nợ. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP C1, chi nhánh H3 đã giải ngân theo đúng các giấy nhận nợ. Tính đến ngày 20/8/2025, hộ kinh doanh Nguyễn Như Q còn nợ Ngân hàng tổng số 10.806.471.185 đồng, trong đó, nợ gốc là 9.499.615.025 đồng; nợ lãi là 1.306.856.160 đồng như bảng kê của Ngân hàng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông Q và các thành viên trong gia đình có ký kết hợp đồng thế chấp QSDĐ gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất diện tích 392m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số X 476247 do UBND huyện S, TP Hà Nội cấp ngày 16/4/2004, chủ sử dụng đất là hộ ông Tạ Tiến V. Địa chỉ thửa đất: thửa đất số 79-80, tờ bản đồ số 30 thuộc khu C, xã H, huyện S, TP Hà Nội.

- QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất diện tích 245m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số DM 240199 do Văn phòng Đ, chi nhánh huyện S cấp ngày 13/10/2023, chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Như Q và bà Tạ Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: thửa số 18, tờ bản đồ số 23 thuộc thôn T, xã Đ, huyện S, TP Hà Nội.

Tất cả các tài sản nêu trên hiện chỉ bảo đảm cho duy nhất khoản vay của hộ kinh doanh Nguyễn Như Q do ông Q làm chủ. Không có phát sinh thêm bất kỳ ai khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác; không bảo đảm cho bất kỳ khoản vay nào khác. Toàn bộ thủ tục ký kết hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm được thực hiện theo đúng pháp luật.

Nay Ngân hàng khởi kiện đòi nợ, ông Q đồng ý trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng theo như đơn khởi kiện, nếu không trả được thì đồng ý xử lý tài sản bảo đảm theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Tiến H1 trình bày

Tháng 3/2021, gia đình ông có thể chấp Quyền sử dụng thửa đất diện tích 392m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số X476247 do UBND huyện S, TP Hà Nội cấp ngày 16/4/2004, thửa đất số 79-80, tờ bản đồ số 30 thuộc khu C, xã H, huyện S, TP Hà Nội (nay là xã N, TP Hà Nội) để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH L1 do anh Nguyễn Như Q làm giám đốc. Đến tháng 6/2023 thì các bên cùng làm văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng để đảm bảo thêm cho khoản vay của hộ kinh doanh Nguyễn Như Q và đến thời điểm hiện tại cũng chỉ bảo đảm cho khoản vay của anh Q. Quá trình ký kết hợp đồng bảo đảm, định giá tài sản, sửa đổi bổ sung hợp đồng các bên đã thực hiện đúng trình tự. Nay Hộ kinh doanh anh Q bị kiện tại Tòa án, gia đình ông có nguyện vọng phối hợp với các bên tìm phương án trả nợ. Nếu không thực hiện đúng thỏa thuận, khi đó, gia đình ông đồng ý xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Do bố mẹ ông lớn tuổi, đi lại xa xôi, các chị bận đi làm nên ông đại diện gia đình trình bày ý kiến trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Tiến V, bà Nguyễn Thị L, bà Tạ Thị H2, bà Tạ Thị Lệ H không có văn bản nêu ý kiến tại Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ quyết định:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 116, Điều 119, Điều 280, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 351, Điều 353, Điều 357, 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Căn cứ Điều 79, Điều 81 Nghị định của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C1.

1. Buộc ông Nguyễn Như Q phải trả cho Ngân hàng TMCP C1 số tiền 10.917.699.836 đồng (*bằng chữ: Mười tỷ, chín trăm mười bảy triệu sáu trăm chín mươi chín nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng*). Trong đó gốc là 9.499.615.025 đồng và lãi là 1.418.084.811 đồng.

Ông Nguyễn Như Q phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số 869008944671/2023-HĐCVHM/NHCT250-NGUYENNHUQUYEN ký ngày 31/11/2023 và các giấy nhận nợ đã ký kết (*bằng 150% lãi suất trong hạn*) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Như Q không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên, thì Ngân hàng TMCP C1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ; cụ thể gồm các tài sản sau:

- Quyền sử dụng thửa thửa đất diện tích 392m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số X476247 do UBND huyện S, TP Hà Nội cấp ngày 16/4/2004, chủ sử dụng đất là hộ ông Tạ Tiến V. Địa chỉ thửa đất: thửa đất số 79-80, tờ bản đồ số 30 thuộc khu C, xã H, huyện S, TP Hà Nội (nay là xã N, TP Hà Nội).

Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp nêu trên được thanh toán cho Ngân hàng TMCP C1 tối đa không quá 7.911.813.600 đồng nợ gốc cùng số tiền nợ lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ tài chính khác phát sinh của các khoản tín dụng mà Ngân hàng đã cấp. Nếu còn thừa sẽ trả lại cho ông Tạ Tiến V, bà Nguyễn Thị L, bà Tạ Thị Lệ H, bà Tạ Thị H2, ông Tạ Tiến H1; nếu còn thiếu thì ông Nguyễn Như Q phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất diện tích 245m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số DM 240199 do Văn phòng Đ, chi nhánh huyện S cấp ngày 13/10/2023, chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Như Q và bà Tạ Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: thửa số 18, tờ bản đồ số 23 thuộc thôn T, xã Đ, huyện S, TP Hà Nội (nay là xã Đ, TP Hà Nội). Nếu còn thiếu thì ông Nguyễn Như Q phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/10/2025, bị đơn ông Nguyễn Như Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, cho rằng:

- Không nhận được giấy triệu tập họp lệ phiên tòa lần thứ nhất, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai ông có nhận được nhưng không kịp chuẩn bị chứng cứ và phương án làm việc nên không thể có mặt tại phiên tòa.

- Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất có nhiều đồng sở hữu nhưng chưa được triệu tập, lấy ý kiến đầy đủ, vi phạm quyền lợi của họ.

- Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của bị đơn. Trường hợp không hủy án thì đề nghị xem xét lại tiền lãi, lãi suất, các khoản phạt và ghi nhận quyền ưu tiên mua lại tài sản bảo đảm của ông Nguyễn Như Q, bà Tạ Thị Lệ H và các đồng sở hữu khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2026, bị đơn Nguyễn Như Q trình bày như sau: Chỉ có giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất tôi không nhận được, còn các văn bản tố tụng khác của Tòa án tôi đều được nhận đầy đủ và cam kết đã giao lại cho các thành viên trong gia đình. Ngày 20/8/2025 tôi và Tạ Tiến H1 có đến Tòa án làm việc, tôi và anh H1 có ký vào biên bản giao nhận chưa ghi nội dung. Bị đơn rút phần kháng cáo về việc đề nghị xem xét lại tiền lãi, lãi suất và các khoản phạt, còn lại giữ nguyên các nội dung kháng cáo khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn kháng cáo vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn theo các nội dung kháng cáo của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Như Q, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng TMCP C1 với hộ kinh doanh cá thể do ông Nguyễn Như Q làm chủ, nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh, được ký kết và giải ngân tại V1 – Chi nhánh H3. Tranh chấp phát sinh là tranh chấp hợp đồng tín dụng trong hoạt động kinh doanh thương mại, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35 và điểm g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Như Q được nộp trong thời hạn luật định, hợp lệ theo các điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Bị đơn Nguyễn Như Q là người kháng cáo đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần và đã hoãn phiên tòa 03 lần do bị đơn vắng mặt. Hiện tại, bị đơn Nguyễn Như Q đang là bị can trong một vụ án hình sự và đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H. Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã có công văn đề nghị Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố H trích xuất, dẫn giải Nguyễn Như Q đến phiên tòa, nhưng Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thành phố H đã có văn bản nêu rõ vụ án hình sự đối với bị can Q đang trong giai đoạn điều tra, có nhiều tình tiết phức tạp nên không thể trích xuất, dẫn giải bị can đến phiên tòa theo công văn đề nghị của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với bị đơn kháng cáo Nguyễn Như Q.

Những người tham gia tố tụng có mặt, vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã được triệu tập họp lệ; việc xét xử vắng mặt đối với người vắng mặt là đúng quy định pháp luật, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Như Q:

[2.1] Đối với kháng cáo đề nghị xem xét lại số tiền nợ, lãi suất và các khoản phạt:

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2026, bị đơn Nguyễn Như Q rút phần kháng cáo về việc đề nghị xem xét lại tiền nợ, tiền lãi, lãi suất và các khoản phạt. Xét thấy việc rút một phần nội dung kháng cáo của bị đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo mà bị đơn đã rút.

[2.2] Đối với kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Như Q kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng do chưa triệu tập đầy đủ các đồng sở hữu tài sản bảo đảm và cho rằng ông không nhận được giấy triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ hai ông có nhận nhưng không kịp chuẩn bị chứng cứ nên không tham gia phiên tòa.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đầy đủ, hợp lệ và liên tục việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Như Q và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Tạ Thị Lê H, ông Tạ Tiến V, bà Nguyễn Thị L, ông Tạ Tiến H1 và bà Tạ Thị H2 (là các đồng sở hữu tài sản bảo đảm).

Cụ thể, các văn bản tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử được tổng đạt thông qua ông Nguyễn Như Q, việc giao nhận được lập biên bản, ông Q trực tiếp ký nhận và cam kết giao lại cho các thành viên khác trong gia đình, các biên bản giao nhận này được lưu tại các bút lục số 107, 113, 135, 150. Điều này cũng phù hợp với lời khai của Q tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2026, bị đơn Nguyễn Như Q trình bày chỉ có giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất tôi không nhận được, còn các văn bản tố tụng khác của Tòa án tôi đều được nhận đầy đủ và đã giao lại cho các thành viên trong gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐST-KDTM ngày 20/8/2025, hồ sơ thể hiện ông Nguyễn Như Q và ông Tạ Tiến H1 trực tiếp nhận văn bản ngày 20/8/2025, đồng thời cam kết giao lại tận tay cho những người vắng mặt, việc giao nhận có biên bản lưu tại bút lục số 168. Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/4/2026, bị đơn Nguyễn Như Q trình bày ngày 20/8/2025 Q và Tạ Tiến H1 có đến Tòa án làm việc và có ký vào biên bản giao nhận nhưng biên bản giao nhận chưa ghi nội dung. Tuy nhiên, bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào về việc biên bản chưa ghi nội dung.

Đối với Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-KDTM ngày 12/9/2025, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt qua đường bưu điện cho ông Nguyễn Như Q và toàn bộ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên, việc tổng đạt này có phiếu gửi bưu điện lưu trong hồ sơ vụ án tại các bút lục số 176, 177, 178. Đồng thời, ngày 25 tháng 9 năm 2025, Tòa án cấp sơ thẩm đã tổng đạt trực tiếp Quyết định hoãn phiên tòa trên cho ông Nguyễn Như Q, ông Q ký nhận và cam kết giao lại cho các thành viên khác trong gia đình, có biên bản giao nhận lưu tại bút lục số 181. Do vậy, phiên tòa sơ thẩm ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Phú Thọ xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng pháp luật.

Ngoài ra, Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025 đã được tổng đạt hợp lệ qua đường bưu điện cho bị đơn và toàn bộ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, việc tổng đạt có phiếu gửi bưu điện lưu tại các bút lục số 196, 197a. Sau khi nhận được bản án, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại về việc tổng đạt văn bản tố tụng.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định tại Điều 170, 172, 173 và 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy án của ông Nguyễn Như Q.

[2.3] Xét kháng cáo yêu cầu ghi nhận quyền ưu tiên mua lại tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng, ông Q và các thành viên trong gia đình ông Q đã thế chấp các tài sản cho Ngân hàng theo các hợp đồng: Hợp đồng thế chấp số 250030-21/HĐBĐ/NHCT250 ngày 30/3/2021, được sửa đổi, bổ sung ngày 12/6/2023 và Hợp đồng thế chấp số 51189-37/HĐBĐ/NHCT250 ngày 30/11/2023, trong đó các tài sản thế chấp gồm:

- Quyền sử dụng thửa đất diện tích 392m² theo giấy chứng nhận QSDĐ số X 476247 do UBND huyện S, TP Hà Nội cấp ngày 16/4/2004, chủ sử dụng đất là hộ ông Tạ Tiến V. Địa chỉ thửa đất: thửa đất số 79-80, tờ bản đồ số 30 thuộc khu C, xã H, huyện S, TP Hà Nội (nay là xã N, TP Hà Nội).

- QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với thửa đất diện tích 245m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là QSDĐ) số DM 240199 do Văn phòng Đ, chi nhánh huyện S cấp ngày 13/10/2023, chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Như Q và bà Tạ Thị Lệ H. Địa chỉ thửa đất: thửa số 18, tờ bản đồ số 23 thuộc thôn T, xã Đ, huyện S, TP Hà Nội (nay là xã Đ, TP Hà Nội).

Toàn bộ thủ tục ký kết hợp đồng thế chấp được thực hiện theo đúng pháp luật, có đầy đủ hợp đồng, thủ tục thẩm định, định giá và đăng ký bảo đảm theo đúng quy định. Do vậy, các hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực và Tòa án cấp sơ thẩm tuyên xử lý tài sản bảo đảm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với yêu cầu đề nghị ghi nhận quyền ưu tiên mua lại tài sản trong trường hợp cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp hoặc tài sản bảo đảm, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong các hợp đồng thế chấp tài sản các bên thế chấp và bên nhận thế chấp không có thỏa thuận về quyền ưu tiên mua lại tài sản khi xử lý tài sản thế chấp; tại phiên tòa bên nhận thế chấp là Ngân hàng có ý kiến không đồng ý với đề nghị ghi nhận quyền ưu tiên mua lại

tài sản của bên thế chấp. Mặt khác, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được thế chấp trong các hợp đồng thế chấp đã ký đều thuộc quyền sử dụng, quyền sở hữu hợp pháp của những người thế chấp tài sản, việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trả cho ngân hàng thuộc giai đoạn thi hành án dân sự, được thực hiện theo Luật Thi hành án dân sự. Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận đối với yêu cầu này.

Từ các căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Nguyễn Như Q không được chấp nhận nên ông Nguyễn Như Q phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 289, Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị đơn Nguyễn Như Q về việc đề nghị xem xét lại tiền gốc, tiền lãi, lãi suất và các khoản phạt.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Như Q đối với nội dung kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng và nội dung kháng cáo đề nghị tuyên quyền ưu tiên mua lại tài sản thế chấp của ông Nguyễn Như Q, bà Tạ Thị Lệ H và các đồng sở hữu khác.

3. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 29/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực số A - Phú Thọ.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Ông Nguyễn Như Q phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông Q đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004865 ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 29/4//2026.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT II - TANDTC;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND khu vực 12 – Phú Thọ;
- TAND khu vực 12 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Trường